

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **11/2021/HSST**

Ngày: 13/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Mỹ Kỳ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nam Tiến

Ông Từ Thanh Phương

Thư ký phiên tòa: Ông Văn Hồng Lễ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

Đại diện Viện kiểm sát huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Hứa Hải Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 156/2020/HSST, ngày 27/11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2020/QĐXXST-HS, ngày 29/12/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Đ**; Giới tính: Nam; sinh năm 1998, tại tỉnh Bình Thuận; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn 3, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: không; Cha: Trần D; sinh năm 1972; mẹ: Trần T, Sinh năm: 1973; Anh, chị, em ruột: có 05 người; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: 02 tiền sự.

Ngày 24.10.2019 bị Chủ tịch UBND xã P ra Quyết định số 07/QĐ-UBND áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn với thời gian 03 tháng (từ ngày 24.10.2019 đến ngày 24.01.2020);

Ngày 29.4.2020 bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong ra Quyết định số 39/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 12 tháng.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp đưa người vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Bình Thuận và có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Đặng X, sinh năm 1993; Địa chỉ: thôn 03, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Q, sinh năm 1983; Địa chỉ: thôn 03, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

Người làm chứng: Võ G, sinh năm 1971; Địa chỉ: thôn 03, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ ngày 14.3.2020, Đặng X chạy xe mô tô biển số 86H6-8186 đi từ nhà của X đến dựng xe trước cổng văn hóa thôn 3, xã P, huyện T. X đi lên nhà mẹ của X mục đích đưa đồ ăn cho mẹ của X. Lúc này Trần Đ nhìn thấy xe mô tô hiệu Wave, biển số 86H6-8186 của X đang dựng không có người trông coi, xe có gắn sẵn chìa khóa. Đ quan sát xung quanh sau đó lên xe mở khóa nổ máy xe chạy về hướng Quốc Lộ 1A để tìm người bán, khi ngang qua quán cơm của Võ G thuộc xóm 6, thôn 2, xã P thì Đ gỡ bỏ 01 chiếc ghế màu xanh, loại ghế ngồi trẻ em trước yên xe mô tô vứt đi. Đ chạy xe đến thị trấn L thì gặp Nguyễn P (P Bui) sinh năm 1987, Đ hỏi P có ma túy đá không thì P nói có. Đ nói P có chiếc xe mới đá, tức P hiểu xe Đ mới trộm cắp được, Đ nói P đổi 02 tép ma túy thì P đồng ý. P gọi điện thoại cho 01 người bạn (chưa rõ lai lịch) hẹn tại quán cà phê N thuộc quốc lộ 1A, thị trấn L. Khi gặp người thanh niên này thì người thanh niên bạn P điều khiển xe trộm cắp được đến nhà máy xay lúa T. Tại đây P đưa cho Đ 01 bịch nylon bên trong có ma túy đá. Bạn của P chạy xe trộm cắp được theo hướng Phan Thiết còn P chở Đ trở lại quán cà phê N. Đ mang ma túy về xã P sử dụng hết.

Khoảng 8 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi X quay lại thì phát hiện xe mô tô của mình đã bị mất nên làm đơn trình báo công an xã P. Đến ngày 14.5.2020 Nguyễn P đến Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Tuy Phong giao nộp 01 xe mô tô hiệu Wave màu xanh, đã mất biển số.

Tại biên bản và bản kết luận định giá tài sản số 53/KL-HĐĐG ngày 03.7.2020 trong tố tụng hình sự - UBND huyện Tuy Phong kết luận:

01 chiếc xe mô tô 02 bánh hiệu EQUAL màu xanh: 5.100.000 đồng/chiếc x 80% = 4.080.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong: Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố theo Cáo trạng số: 160/QĐ/KSĐT/VKS/HS, ngày 27/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Đ từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Buộc bị cáo Trần Đ bồi thường cho bị hại X số tiền 1.000.000 đồng theo sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng: Bị cáo Đ xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan điều tra – Công an huyện Tuy Phong, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Về chứng cứ buộc tội bị cáo: tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Đ đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong đã truy tố. Bị cáo khẳng định những lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra là hoàn toàn tự nguyện đúng sự thật, bị cáo không bị bức cung và Cáo trạng truy tố là đúng, không oan cho bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, của người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Đây là vụ án Trộm cắp tài sản, xảy ra vào lúc 8 giờ ngày 14.3.2020 tại thôn 3, xã P, huyện Tuy Phong. Do Trần Đ đã lén trộm cắp 01 xe mô tô biển số 86H-8186 của Đặng X có giá trị định giá là 4.080.000 đồng thì bị phát hiện, thu giữ tang vật chứng.

Hành vi đó của bị cáo Trần Đ đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) như cáo trạng của Viện kiểm sát và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo là công dân có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền mua ma túy sử dụng, bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản của bị hại. Hành vi phạm tội nêu trên

của Trần Đ đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần xử lý nghiêm minh.

Trong vụ án này một phần do sự chủ quan của bị hại để chìa khóa trên xe đã tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo phạm tội. Với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo trên cơ sở cân nhắc các tình tiết của vụ án xét thấy rằng cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo trở thành người tốt, công dân có ích cho xã hội, đồng thời qua đó nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cũng cần xem xét nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[4] Về hình phạt: Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Đ 09 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Sau khi xem xét, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo thấy rằng mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát khi luận tội là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.000.000 đồng chi phí sửa chữa chiếc xe.

Bị cáo Đ đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại, nên hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại.

[6] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Tuy Phong đã trao trả 01 chiếc xe Wave màu xanh hiệu EQUAL biển số 86H6 - 8186 cho chủ sở hữu là phù hợp nên không xem xét xử lý.

Đối với Nguyễn P đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định tách vụ án và ra quyết định truy nã là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Trần Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trần Đ **09 (Chín) tháng** tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Trần Đ phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho người bị hại Đặng X số tiền **1.000.000 đồng (Một triệu đồng)**.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất 10%/ năm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[2] Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp **200.000 đồng** án phí hình sự sơ thẩm và **300.000 đồng** án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, báo cho họ biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án ND Tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS.

Lâm Thị Mỹ Kỳ